

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố điểm chuẩn và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
đợt 3 trình độ cao đẳng các ngành Giáo dục nghề nghiệp năm 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT – BGDDT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 60/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 20/5/2020 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 60a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 19/01/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-CDSP ngày 25/01/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng Giáo dục nghề nghiệp tại trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024;

Căn cứ kết quả đăng ký xét tuyển của các thí sinh vào các ngành học và biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh ngày 24/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố điểm chuẩn và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đợt 3 vào các ngành cao đẳng giáo dục nghề nghiệp hệ chính quy khóa 28 năm 2024 (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

TT	Ngành	Mã ngành	Điểm chuẩn		
			Xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT	Xét theo kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	Xét theo kết quả ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2024
1	Công nghệ thông tin	6480201	14.0 điểm	15.0 điểm	500 điểm
2	Kế toán	6340301	14.0 điểm	15.0 điểm	500 điểm
3	Kinh doanh Xuất nhập khẩu	6340102	14.0 điểm	15.0 điểm	500 điểm
4	Quản trị văn phòng	6340403	14.0 điểm	15.0 điểm	500 điểm
5	Tiếng Anh	6220206	14.0 điểm	15.0 điểm	500 điểm
6	Tiếng Nhật	6220212	14.0 điểm	15.0 điểm	500 điểm

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo - Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế; Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên; trưởng các bộ phận liên quan và những thí sinh ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTBĐHTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Thế Hải

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2024
CÁC NGÀNH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm Quyết định số: /QĐ-CDSP ngày 23/8/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu)

Ngành: Công nghệ thông tin

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	Trương Thị Trà My	Nữ	29/05/2006	037306004187	CNTT	D01	22,55	THPT	
2	Lê Ngọc Khánh Hà	Nữ	02/11/2006	068306009650	CNTT	D01	20,70	THPT	
3	Nguyễn Thị Minh Tuyền	Nữ	17/06/2006	077306007622	CNTT	D01	20,20	THPT	
4	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	26/04/2006	077306002669	CNTT	A00	19,30	THPT	
5	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	22/07/2006	077206000979	CNTT	A00	22,32	HB	
6	Nguyễn Hoàng Lộc	Nam	04/06/2005	077205011881	CNTT	A00	21,48	HB	
7	Lê Thành Đạt	Nam	08/01/2006	077206000070	CNTT	A00	20,08	HB	
8	Huỳnh Quốc Tuấn	Nam	10/01/2006	077206003731	CNTT	A00	18,37	HB	
9	Phan Trường Sơn	Nam	10/02/2005	077205005329	CNTT	D01	17,60	HB	
10	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	12/04/2006	077206005376	CNTT	A00	16,98	HB	

Ngành: Kế toán

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Thảo Anh	Nữ	12/05/2006	038306023977	Kế toán	D01	23,20	THPT	
2	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	02/12/2006	084306009447	Kế toán	D01	22,80	THPT	
3	Bùi Như Quỳnh	Nữ	29/05/2006	077306004886	Kế toán	D01	22,75	THPT	
4	Hà Thị Thanh Kim	Nữ	09/04/2006	077306000291	Kế toán	A00	22,60	THPT	
5	Âu Thị Hải Yến	Nữ	11/12/2006	077306007732	Kế toán	D01	21,60	THPT	
6	Trần Thị Mai Lê	Nữ	22/12/2006	042306010808	Kế toán	D01	20,80	THPT	
7	Nguyễn Thị Minh Tuyền	Nữ	17/06/2006	077306007622	Kế toán	D01	20,20	THPT	
8	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	02/07/2006	077306002920	Kế toán	D01	19,95	THPT	
9	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	26/04/2006	077306002669	Kế toán	A00	19,30	THPT	
10	Huỳnh Ngọc Mi Lãng	Nữ	15/02/2006	077306002896	Kế toán	D01	19,20	THPT	
11	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	23/03/2006	077306003437	Kế toán	D01	19,05	THPT	
12	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	26/06/2006	077306002773	Kế toán	D01	17,95	THPT	
13	Văn Thị Hồng Đào	Nữ	03/04/2006	079306036427	Kế toán	D01	17,35	THPT	

TT	Họ tên		GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
14	Tô Thị Bích	Liều	Nữ	25/09/2006	077306010046	Kế toán	A00	24,13	HB	
15	Đoàn Quỳnh	Trâm	Nữ	01/07/2006	074306005866	Kế toán	A00	23,65	HB	
16	Kiều Vũ	Đức	Nam	29/05/2006	077206006275	Kế toán	A00	23,58	HB	
17	Đinh Hồng Ánh	Nga	Nữ	28/10/2005	077305004513	Kế toán	A00	23,17	HB	
18	Huỳnh Ngọc	Như	Nữ	15/10/2006	077306003111	Kế toán	A00	22,93	HB	
19	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	29/06/2006	077306010690	Kế toán	A00	22,40	HB	
20	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	05/10/2006	074206009811	Kế toán	A00	20,90	HB	
21	Nguyễn Thị Kim	Thùy	Nữ	18/08/2006	077306002888	Kế toán	A00	20,53	HB	
22	Lý Kim	Phụng	Nữ	02/06/2006	075306001758	Kế toán	A00	20,53	HB	
23	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	02/01/2006	044306007040	Kế toán	D01	19,32	HB	
24	Nguyễn Trần Gia	Khanh	Nữ	02/09/2006	077306006428	Kế toán	A01	19,13	HB	
25	Nguyễn Thị Minh	Sương	Nữ	04/12/2006	077306006080	Kế toán	A00	18,92	HB	
26	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	03/07/2006	026 6106010322	Kế toán	D01	18,75	HB	
27	Ngô Thị Thanh Ngọc	Tuyền	Nữ	21/03/2005	077305007659	Kế toán	A00	18,47	HB	
28	Trần Nguyễn Kim	Duyên	Nữ	01/02/2005	077305011196	Kế toán	A00	18,43	HB	
29	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	26/10/2005	077305004280	Kế toán	A00	18,07	HB	

Ngành: Kinh doanh xuất nhập khẩu

TT	Họ tên		GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	Âu Thị Hải	Yến	Nữ	11/12/2006	077306007732	KDXNK	D01	21,60	THPT	
2	Phạm Nguyễn Ngọc	Đệp	Nữ	22/10/2004	077304005258	KDXNK	D01	20,95	THPT	
3	Linh Mỹ	Ngọc	Nữ	26/01/2006	077306001730	KDXNK	D01	19,75	THPT	
4	Vô Lê Như	Thủy	Nữ	12/05/2004	045304000060	KDXNK	A01	23,33	HB	
5	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	10/06/2005	036305015212	KDXNK	A00	20,95	HB	
6	Nguyễn Hoàng Trúc	Ngân	Nữ	16/01/2005	077305000736	KDXNK	A01	20,57	HB	
7	Nguyễn Kim Triệu	Vy	Nữ	03/01/2006	077306002425	KDXNK	A00	17,20	HB	

Ngành: Quản trị văn phòng

TT	Họ tên		GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	Trần Thanh	Vân	Nữ	29/03/2006	077306009926	QTVP	D01	23,90	THPT	
2	Trần Tiến	Sang	Nam	23/09/2006	077206007840	QTVP	D01	23,35	THPT	
3	Nguyễn Vũ Thảo	Nhi	Nữ	05/04/2006	077306011908	QTVP	C15	23,33	THPT	

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	12/05/2006	040306005393	QTVP	C00	22,25	THPT	
5	Phạm Nguyễn Ngọc Đẹp	Nữ	22/10/2004	077304005258	QTVP	D01	20,95	THPT	
6	Dương Gia Minh	Nam	30/05/2006	077206008774	QTVP	C15	19,82	THPT	
7	Lê Nguyễn Bảo Nhi	Nữ	09/09/2006	077306002197	QTVP	C00	19,75	THPT	
8	Đỗ Thị Thanh Vi	Nữ	20/11/2006	077306008637	QTVP	D01	19,00	THPT	
9	Nguyễn Lâm Yến Nhi	Nữ	24/01/2006	077306005475	QTVP	C15	18,52	THPT	
10	Thị Kim Búc	Nữ	25/10/2006	060306002478	QTVP	C00	18,50	THPT	
11	Nguyễn Phương Kiều My	Nữ	18/03/2006	077306009630	QTVP	C00	18,50	THPT	
12	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	11/06/2006	077306006641	QTVP	C00	17,25	THPT	
13	Lê Thị Bích Liên	Nữ	16/08/2005	077305011541	QTVP	C15	15,45	THPT	
14	Lê Thị Diệu Mẫn	Nữ	21/05/2006	077306010186	QTVP	C15	24,58	HB	
15	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	14/12/2006	077306010840	QTVP	C00	24,20	HB	
16	Nguyễn Dương Phươn Linh	Nữ	03/10/2006	077306000618	QTVP	C00	22,25	HB	
17	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	17/05/2006	040306014172	QTVP	C00	21,98	HB	
18	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	15/09/2006	040306024112	QTVP	C00	21,62	HB	
19	Nguyễn Võ Minh Thư	Nữ	06/03/2006	077306002994	QTVP	C15	20,23	HB	
20	Đồ Thị Thu Hiền	Nữ	09/08/2001	077301005709	QTVP	C00	19,60	HB	
21	Phan Trần Ngọc Trâm	Nữ	20/12/2002	077302004110	QTVP	C00	18,10	HB	
22	Tạ Thị Hoài	Nữ	05/01/2005	077305003097	QTVP	C00	18,02	HB	
23	Phạm Hoàng Vĩnh Phúc	Nam	05/12/2006	067206005348	QTVP	C15	16,78	HB	

Ngành: Tiếng Anh

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	Lê Thảo Vy	Nữ	01/12/2006	030306004490	Tiếng Anh	D78	26,04	THPT	
2	Phạm Đặng Hồng Hiếu	Nữ	25/09/2006	077306003161	Tiếng Anh	D78	24,92	THPT	
3	Tạ Khánh Vy	Nữ	29/11/2006	079306031299	Tiếng Anh	D01	21,55	THPT	
4	Nguyễn Thị Kim Hoàng	Nữ	12/10/2006	077306006742	Tiếng Anh	D01	21,46	THPT	
5	Huỳnh Võ Minh Tâm	Nam	12/09/2004	077204005785	Tiếng Anh	D96	21,32	THPT	
6	Nguyễn Thị Hoàng Mi	Nữ	19/09/2005	077305002958	Tiếng Anh	D78	21,30	THPT	
7	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	26/04/2006	077306002669	Tiếng Anh	D01	20,60	THPT	
8	Trịnh Phùng Phương Thủy	Nữ	28/12/2006	051306002762	Tiếng Anh	D01	20,21	THPT	
9	Nguyễn Thị Khánh Hoàn	Nữ	06/08/2006	077306000616	Tiếng Anh	D01	19,98	THPT	

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	13/12/2006	077306010264	Tiếng Anh	D01	18,84	THPT	
11	Nguyễn Bình Bảo Ngọc	Nữ	15/02/2006	077306007780	Tiếng Anh	D01	18,58	THPT	
12	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ	09/05/2005	077305003921	Tiếng Anh	D01	17,28	THPT	
13	Hà Minh Thụ	Nữ	01/06/2006	075306009614	Tiếng Anh	D78	16,35	THPT	
14	Nguyễn Thị Như Phúc	Nữ	26/07/2006	051306002140	Tiếng Anh	D78	27,10	HB	
15	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	14/12/1997	077197003361	Tiếng Anh	A01	24,00	HB	
16	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	19/01/2006	077306003024	Tiếng Anh	D78	23,30	HB	
17	Nguyễn Hương Trà	Nữ	22/06/2006	077306008625	Tiếng Anh	D78	22,73	HB	
18	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	07/12/2006	077306005776	Tiếng Anh	D78	22,70	HB	
19	Nguyễn Thị Lê Uyên	Nữ	24/08/2006	051306002039	Tiếng Anh	A01	22,17	HB	
20	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	Nữ	25/12/2023	077305004610	Tiếng Anh	A01	22,10	HB	
21	Lương Ngọc Bảo Trân	Nữ	03/10/2005	058305000044	Tiếng Anh	D96	21,63	HB	
22	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	28/01/2006	077306003591	Tiếng Anh	D01	21,20	HB	
23	Vũ Thị Hoàng Yến	Nữ	23/06/1993	077193002805	Tiếng Anh	D78	20,85	HB	
24	Vũ Gia Hân	Nữ	26/08/2003	077303000868	Tiếng Anh	D78	20,35	HB	
25	Lê Nguyễn Băng Tâm	Nữ	19/12/2006	077306008413	Tiếng Anh	D78	20,15	HB	
26	Lê Trương Gia Hùng	Nam	23/08/2002	077202004487	Tiếng Anh	D78	19,93	HB	
27	Trương Thị Thu Hằng	Nữ	25/11/1977	056177007990	Tiếng Anh	D78	19,53	HB	
28	Lê Thị Ngọc Huyền	Nữ	02/01/2006	044306007040	Tiếng Anh	D01	19,53	HB	
29	Nguyễn Trần Gia Khanh	Nữ	02/09/2006	077306006428	Tiếng Anh	D78	19,38	HB	
30	Vũ Duy Anh	Nam	22/06/2005	036205001864	Tiếng Anh	A01	18,85	HB	
31	Trần Huỳnh Khang	Nam	02/09/2006	052206004769	Tiếng Anh	D78	18,53	HB	

Ngành: Tiếng Nhật

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1	Phạm Tường Vy	Nữ	05/12/2024	077304005708	Tiếng Nhật	D01	24,45	THPT	
2	Phạm Nguyễn Ngọc Đẹp	Nữ	22/10/2004	077304005258	Tiếng Nhật	D01	19,76	THPT	
3	Lê Ngọc Duyên	Nữ	10/12/2006	077306003025	Tiếng Nhật	D01	17,00	THPT	
4	Trương Thị Thu Hằng	Nữ	25/11/1977	056177007990	Tiếng Nhật	D78	19,53	HB	
5	Võ Thuỳ Khánh Nhi	Nữ	10/07/2006	077306006992	Tiếng Nhật	D96	19,00	HB	
6	Lý Mỹ Linh	Nữ	04/02/2004	077304000949	Tiếng Nhật	A01	16,50	HB	

TT	Họ tên	GT	Ngày sinh	Số CMND	Tên ngành ĐKXT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng điểm xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
----	--------	----	-----------	---------	-------------------	------------------------------	------------------------------	-----------------------------	---------

Danh sách này có: 106 thí sinh trúng tuyển, trong đó:

- Ngành Công nghệ thông tin có 10 thí sinh.
- Ngành Kế toán có 29 thí sinh.
- Ngành Kinh doanh xuất nhập khẩu có 07 thí sinh.
- Ngành Quản trị văn phòng có 23 thí sinh.
- Ngành Tiếng Anh có 31 thí sinh.
- Ngành Tiếng Nhật có 6 thí sinh.